

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

SV: *Trịnh Nguyễn Thanh Trúc, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Diễm Swong*

Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

1. Đặt vấn đề

Điện thoại thông minh đang đóng vai trò rất lớn trong xu hướng phát triển Internet và góp phần thay đổi cuộc sống của người Việt Nam. Theo số liệu Google công bố từ nghiên cứu hành vi trực tuyến của “Người tiêu dùng Việt Nam 2014” do Công ty TNS thực hiện, tỷ lệ người trên 16 tuổi sử dụng điện thoại thông minh tại Việt Nam tăng hơn 70% với năm 2013, tương đương từ 14 lên 24 triệu người. Nhóm tuổi từ 16-24 có tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh cao nhất (58%). Điều này cho thấy những người trong độ tuổi đi học (học sinh, sinh viên) là đối tượng sử dụng điện thoại thông minh lớn nhất Việt Nam. Như vậy việc sử dụng điện thoại thông minh của học sinh, sinh viên có ảnh hưởng đến kết quả hoặc quá trình học tập của họ hay không là vấn đề cần được lưu tâm đặc biệt.

Lusekelo Kibona, Gervas Mgaya (2015) đã nghiên cứu tác động của việc sử dụng điện thoại thông minh đến kết quả học tập sinh viên tại Tanzania. Kết quả cho thấy ngày càng có nhiều sinh viên nghiện điện thoại thông minh và các ứng dụng của nó như facebook, twitter... Điện thoại thông minh có ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập của sinh viên: thời gian sử dụng điện thoại thông minh càng nhiều thì kết quả học tập càng giảm. Tại Việt Nam, các nghiên cứu về những ảnh hưởng của điện thoại thông minh đến kết quả học tập của sinh viên rất hiếm. Vì vậy, đề tài “Ảnh hưởng của việc sử dụng điện thoại thông minh đến kết quả học tập của sinh viên” là một việc làm rất cấp thiết.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Điện thoại thông minh

Theo Lusekelo & Juma (2015), điện thoại thông minh là một thiết bị có tính năng của cả máy tính và điện thoại di động. Nó có hệ điều hành và có thể cài đặt các ứng dụng, hoạt động như các máy tính, có khả năng truy cập internet và giải trí ở bất kì nơi đâu như: chụp hình, xem video, nghe nhạc, lướt web... Muhammad & Tariq (2013), điện thoại thông minh là một điện thoại di động ngoài chức năng truyền thống như thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn văn bản, nó còn được trang bị khả năng hiển thị hình ảnh, chơi game, xem video, lướt web, tích hợp camera, ghi âm, gửi/nhận e-mail... có thể cài đặt các ứng dụng,

mạng xã hội. Như vậy, điện thoại thông minh tiên tiến hơn điện thoại di động thông thường. Ngoài tính năng gọi điện và gửi tin nhắn văn bản, điện thoại thông minh còn được trang bị các chức năng cải tiến hơn như lướt web, Internet không dây, xem video... với bộ nhớ lớn hơn cùng với các hệ điều hành phổ biến như iOS, Android, Blackberry OS, Windows Phone và có thể cài đặt thêm các ứng dụng.

2.2. Ảnh hưởng của điện thoại thông minh đến sinh viên và kết quả học tập của sinh viên qua một số nghiên cứu trong và ngoài nước

Joans, Abdullah (2015) cho rằng điện thoại thông minh là một thiết bị giúp sinh viên kết nối với nhau và mọi người xung quanh dễ dàng hơn. Tuy nhiên, việc sử dụng điện thoại thông minh có ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe và khả năng giao tiếp trực tiếp của sinh viên. Sinh viên cũng sử dụng thiết bị này như là thiết bị hỗ trợ cho việc học. Sinh viên có thể tìm kiếm tài liệu tham khảo cho việc học tập của họ bằng chiếc điện thoại thông minh có kết nối Internet trên các bài viết, trang tạp chí, bách khoa toàn thư trực tuyến... Lee và cộng sự (2015) với đề tài “Nghiện điện thoại thông minh và ảnh hưởng của nó đến việc học của sinh viên” cho thấy sinh viên càng nghiện điện thoại thông minh thì khả năng tự học càng giảm. Quá trình học tập của sinh viên thường bị gián đoạn bởi các ứng dụng của điện thoại thông minh và họ không kiểm soát được việc học của mình. Cuộc khảo sát cũng cho thấy sinh viên thường sử dụng điện thoại thông minh để học trực tuyến, đọc E-book. Theo Bluck (2013) báo cáo rằng việc sử dụng điện thoại di động gây nghiện có thể làm rối loạn giấc ngủ sinh viên. Chúng ta có thể thấy nghiện điện thoại thông minh làm cho sinh viên đi ngủ không đúng giờ hoặc giấc ngủ bị gián đoạn. Manoj và cộng sự (2011), thực hiện nghiên cứu hành vi sử dụng smartphone của sinh viên Ấn Độ, cho rằng 65% sinh viên dùng điện thoại thông minh để thu thập thông tin giáo dục trên web của trường đại học. Jessica, Elizabeth & Casey (2013) cho rằng điện thoại thông minh làm cho việc học tập thuận tiện hơn, cho phép sinh viên học bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào. Lusekelo Kibona, Gervas Mgaya (2015) đã khảo sát trên 100 sinh viên sử dụng điện thoại thông minh để tìm hiểu tác động của việc sử dụng smartphone đến kết quả học tập của họ. Kết quả cho thấy điện thoại thông minh có ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập của sinh viên. Thời gian sử dụng điện thoại thông minh càng nhiều thì kết quả học tập càng giảm. Có tới 48% sinh viên sử dụng 5-7 giờ mỗi ngày để lên mạng xã hội như Facebook, twitter, Instagram... và nữ nghiện smartphone nhiều hơn nam. Kirschner và Karpinski (2010) nghiên cứu mối quan hệ giữa kết quả học tập và việc sử dụng Facebook trên điện thoại thông minh. Kết quả cho thấy,

sinh viên sử dụng Facebook có điểm trung bình học tập thấp hơn do họ dành nhiều thời gian cho điện thoại thông minh và ít thời gian cho việc học hơn.

Tại Việt Nam chưa tìm thấy đề tài nghiên cứu về ảnh hưởng của điện thoại thông minh đến kết quả học tập của sinh viên, tuy nhiên qua bài viết “Giới trẻ lệ thuộc vào điện thoại thông minh, được và mất” của tác giả Hoàng Lâm (2014), cho thấy giới trẻ phụ thuộc vào điện thoại thông minh và bỏ qua những giá trị sống thực.

Như vậy, thông qua các nghiên cứu trong và ngoài nước, chúng ta thấy rằng điện thoại thông minh ngày càng được sử dụng phổ biến trong cộng đồng sinh viên. Sinh viên sử dụng điện thoại thông minh cho nhiều mục đích khác nhau như: hỗ trợ học tập, giao tiếp, thông tin liên lạc... Việc sử dụng điện thoại thông minh có ảnh hưởng tích cực lẫn tiêu cực đến đời sống, sức khỏe và kết quả học tập của sinh viên.

2.3. Các lý thuyết được sử dụng để giải thích kết quả nghiên cứu

Lý thuyết hành vi lựa chọn (George Homans, 1961) cá nhân sẽ lựa chọn hành động nào mà giá trị của kết quả hành động đó và khả năng đạt được kết quả là lớn nhất, ví dụ: giới trẻ hiện nay dường như tìm kiếm tài liệu trên điện thoại thông minh để phục vụ cho việc học nhiều hơn là tìm trong sách, báo. Dường như việc đến thư viện hay đến nhà sách để tìm tư liệu học tập khá mất thời gian trong khi việc tìm tài liệu trên mạng thông qua chiếc điện thoại thông minh rất nhanh chóng. Cá nhân sẽ lựa chọn hành động nào mà giá trị của kết quả đạt hiệu quả nhanh nhất và lớn nhất. Sinh viên có thể chọn lựa loại điện thoại thông minh và cách thức sử dụng chúng như thế nào để đem lại giá trị, hiệu quả tốt nhất cho họ.

Lý thuyết hành động xã hội (Max Weber, 1958), một hành động xã hội là hành động của một cá nhân mà hành động ấy mang ý nghĩa nào đó. Khi cá nhân thực hiện một hành động, họ sẽ xem xét hành vi của người khác để định hướng hành động của mình. Một hành động mà một cá nhân không có ý thức về hành động đó thì không phải là hành động xã hội. Mọi hành động không xét đến sự phản ứng có thể có của người khác thì không phải là hành động xã hội. Việc sử dụng điện thoại thông minh của sinh viên chính là hành động xã hội vì đó là hành động có ý thức, có mục đích.

Trong phạm vi của đề tài này, nhóm nghiên cứu sử dụng lý thuyết hành vi lựa chọn và lý thuyết hành động xã hội để định hướng quá trình nghiên cứu và giải thích kết quả nghiên cứu.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu được thực hiện thông qua hai bước chính: nghiên cứu định tính được thực hiện bằng phương pháp thảo luận nhóm trên 20 sinh viên đang sử dụng điện thoại thông minh nhằm phát triển thang đo cho nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định lượng sử dụng thang đo Likert bao gồm 5 mức độ đo lường thời gian sử dụng điện thoại thông minh với các giá trị: 1- Không bao giờ, 2 – Hiếm khi (1-2 lần/tháng), 3 - Thỉnh thoảng (1-2 lần/tuần), 4 - Thường xuyên (3-5 lần/tuần), 5 – Rất thường xuyên (mỗi ngày) qua 2 giai đoạn. Giai đoạn 1: nghiên cứu thử trên mẫu nhỏ nhằm phát hiện ra những sai sót của bảng hỏi. Giai đoạn 2: nghiên cứu chính thức được tiến hành ngay sau khi bảng câu hỏi được chỉnh sửa từ kết quả nghiên cứu thử. Đối tượng khảo sát của nghiên cứu chính thức là sinh viên từ năm I đến năm IV của 6 trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh, có 3 trường Đại học công lập (Đại học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn, Đại học Tài Chính Marketing, Đại học Công Nghiệp) và 3 trường Đại học ngoài công lập (Đại học Văn Hiến, Đại học Văn Lang, Đại học Công Nghệ TP.HCM). Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008) thì kích thước mẫu tối thiểu cần có là $n = 145 (29*5)$. Với 29 biến quan sát 4 khía cạnh nghiên cứu việc sử dụng điện thoại thông minh của sinh viên thì 318 đáp viên tham gia khảo sát chứng tỏ được độ tin cậy của cuộc nghiên cứu này. Phần mềm SPSS 20 được sử dụng để thống kê, phân tích kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả và bình luận

3.1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Qua khảo sát có tới 318/327 sinh viên có sử dụng điện thoại thông minh tương ứng với 97,2%, chỉ có 2,8% sinh viên không sử dụng điện thoại thông minh. Trong đó 53,1% là nam, nữ chiếm 46,9%. Được khảo sát ở 6 trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh, có 3 trường Đại học công lập và 3 trường Đại học ngoài công lập: trường Đại học Văn Hiến chiếm tỷ lệ cao nhất với 22,6%, Đại học Văn Lang 18,9%, Đại học Công Nghiệp 15,7%, Đại học Tài Chính Marketing 13,2%, Đại học Công Nghệ TP.HCM 12,9% và Đại học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn 12,3%. Cơ cấu sinh viên chia theo từng năm (năm 1, năm 2, năm 3, năm 4) có sự chênh lệch khá lớn. Đa số là sinh viên năm 2 và sinh viên năm 3, trong đó sinh viên năm 2 chiếm tỷ lệ cao nhất với 36,2%, sinh viên năm 3 chiếm tỷ lệ 34,3%, tiếp theo là sinh viên năm 1 (chiếm 19,8%), sinh viên năm 4 chiếm tỷ lệ thấp nhất (9,7%). Đa số sinh viên đạt kết quả học tập ở mức trung bình. Với Trong tổng số 318 sinh viên được khảo sát, có 45,6% sinh viên có kết quả học tập từ 6.1 đến 7.0.

3.2. Thực trạng sử dụng điện thoại thông minh

Qua nghiên cứu chúng tôi tìm ra được bốn mục đích sử dụng điện thoại thông minh và các hoạt động cụ thể cho từng mục đích như sau: sử dụng cho mục đích học tập, mục đích giao tiếp, mục đích giải trí và mục đích thể hiện bản thân. Mức độ sử dụng điện thoại thông minh được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 1: Thực trạng sử dụng điện thoại thông minh

Các hành động sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích học tập	Trị trung bình
Sử dụng các ứng dụng hỗ trợ học tập trên Điện thoại thông minh	3.89
Theo dõi kết quả học tập trên website của trường	3.78
Theo dõi lịch thi trên website của trường	3.76
Tìm kiếm tài liệu học tập	3.75
Tra từ điển trực tiếp	3.56
Cập nhật kiến thức học tập từ Internet	3.49
Download tài liệu học tập	3.42
Tự học qua video trên Youtube	2.91
Đọc ebook giáo trình	2.8
Nghe sách nói phục vụ cho việc học	2.64
Thu âm bài giảng trên lớp	2.52
Các hành động sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích giao tiếp	
Theo dõi thông tin của bạn trên facebook, zalo	4.3
Nghe điện thoại	4.23
Gọi điện thoại	4.17
Nhắn tin	4
Chat video với người thân, bạn bè (facebook,skype)	3.97
Kết bạn trên mạng xã hội	3.87
Việc sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích giải trí	
Tham gia các trang mạng xã hội (facebook,zalo,viber,vv)	4.47
Lướt web	4.29
Nghe nhạc	4.06
Chụp ảnh	3.76
Chơi game	3.6
Xem phim	3.47
Quay video	3.31
Đọc truyện	3.22
Việc sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích thể hiện giá trị bản thân	
Làm cho bản thân cảm thấy tự tin hơn sử dụng Điện thoại thông minh trước mọi người	2.54
Muốn được nhiều người chú ý hơn khi sử dụng Điện thoại thông minh	2.07

Sử dụng Điện thoại thông minh càng đắt tiền càng thấy bản thân thể hiện được đẳng cấp	1.97
---	------

Từ kết quả khảo sát trên, chúng ta tính giá trị trung bình (MEAN) của mức độ thường xuyên sử dụng điện thoại thông minh. Nếu Mean tiến về 5 có nghĩa là rất thường xuyên, mean tiến về 0 tức là không bao giờ. Kết quả nghiên cứu được chúng tôi thống kê qua bảng sau:

Bảng 2: Xếp hạng mức độ sử dụng điện thoại thông minh

Các hoạt động sử dụng điện thoại thông minh	Không bao giờ	Hiếm khi (1-2 lần/tháng)	Thỉnh thoảng (1-2 lần/tuần)	Thường xuyên (3-5 lần/tuần)	Rất thường xuyên (hàng ngày)
Sử dụng cho mục đích giải trí					
Xem phim	7,9%	13,8%	28%	24,2%	26,1%
Nghe nhạc	2,5%	7,9%	15,4%	29,6%	44,7%
Lướt web	2,8%	4,4%	11%	24,5%	57,2%
Chơi game	6,9%	16,7%	21,1%	20,4%	34,9%
Chụp ảnh	4,1%	11,3%	22,6%	28%	34%
Quay video	6%	22,6%	27,7%	22,3%	21,4%
Đọc truyện	18,2%	18,2%	13,8%	23%	26,7%
Tham gia các trang mạng xã hội (facebook, zalo, viber, instargram,...)	1,6%	4,1%	8,5%	17%	68,9%
Sử dụng cho mục đích thể hiện bản thân					
Các hoạt động sử dụng điện thoại thông minh	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Muốn được nhiều người chú ý hơn khi sử dụng Smartphone	34,9%	40,9%	11,3%	7,9%	5%
Làm cho bản thân cảm thấy tự tin hơn khi sử dụng Điện thoại thông minh trước mọi người	26,7%	29,9%	11,9%	25,2%	6,3%
Sử dụng điện thoại thông minh càng đắt tiền càng thấy bản thân thể hiện đc đẳng cấp	38,4%	40,9%	10,4%	5,7%	4,7%

Các hoạt động sử dụng điện thoại thông minh	Không bao giờ	Hiếm khi (1-2 lần/tháng)	Thỉnh thoảng (1-2 lần/tuần)	Thường xuyên (3-5 lần/tuần)	Rất thường xuyên (hàng ngày)
Sử dụng cho mục đích học tập					
Nghe sách nói phục vụ cho việc học	27,4%	21,1%	23,3%	16,4%	11,9%
Tự học qua video trên youtube	15,4%	24,5%	25,5%	23,3%	11,3%
Thu âm bài giảng trên lớp	28%	23,3%	25,2%	16,4%	7,2%
Tra từ điển trực tuyến	9,8%	9,5%	22,3	33%	26%
Tìm kiếm tài liệu học tập	6,3%	6,6%	20,4%	39,3%	27,4%
Download tài liệu học tập	10,4%	13,2%	21,4%	34,6%	20,4%
Cập nhật kiến thức học tập trên internet	7,2%	15,1%	23%	30,5%	24,2%
Đọc ebook giáo trình	20,1%	22,3%	24,8%	23%	9,7%
Theo dõi lịch thi trên website của trường	6%	12,3%	16,4%	30,2%	35,2%
Theo dõi kết quả học tập trên website của trường	4,4%	13,5%	17,6%	28,9%	35,5%
Sử dụng các ứng dụng trên Smartphone (từ điển, play sách,...)	6,3%	6,9%	18,9%	27,4%	40,6%
Sử dụng cho mục đích giao tiếp					
Nghe điện thoại	3,1%	4,4%	12,9%	25,8%	53,8%
Gọi điện thoại	2,8%	6%	12,9%	28%	50,3%
Nhắn tin	3,8%	7,2%	19,8%	23,6%	45,6%
Chat video với người thân bạn bè (facebook,viber, skype,...)	6,9%	10,4%	11,3%	21,1%	50,3%
Theo dõi thông tin của bạn trên facebook, Zalo,...	3,1%	5,3%	10,7%	20,1%	60,7%
Kết bạn trên mạng xã hội	5,3%	11%	19,2%	20,1%	44,3%

Từ kết quả của bảng 2 cho thấy, sinh viên thường xuyên sử dụng các ứng dụng hỗ trợ học tập trên lớp điện thoại thông minh (Mean = 3,89) tức là các bạn sử dụng hỗ trợ này với tần suất từ 3 đến 5 lần/tuần, và thỉnh thoảng sử dụng ứng dụng để thu âm bài giảng trên lớp (Mean= 2,52) 1 đến 2 lần/tuần. Đối với kết quả nghiên cứu về mục đích giao tiếp cho thấy sinh viên gần như sử dụng điện thoại thông minh mỗi ngày để theo dõi thông tin của bạn bè qua facebook (Mean = 4,3), bên cạnh đó thỉnh thoảng trong 1 tuần sinh viên sử dụng

điện thoại để kết bạn trên mạng xã hội (Mean = 3,87) từ 1 đến 2 lần. Với kết quả nghiên cứu của việc sử dụng các hoạt động giải trí cho thấy sinh viên hầu hết sử dụng điện thoại thông minh mỗi ngày để tham gia các trang mạng xã hội (facebook, zalo, viber, instargram,...) (Mean = 4,47), trong khi đó hoạt động đọc truyện (Mean = 3,22) sinh viên chỉ sử dụng từ 1 đến 2 lần trong 1 tuần. Cuối cùng là kết quả nghiên cứu về mục đích thể hiện giá trị bản thân khi sử dụng điện thoại lại cho thấy đa số sinh viên cảm thấy phân vân với việc tự tin hơn trước mọi người khi sử dụng điện thoại thông minh (Mean = 2,54), bên cạnh đó sinh viên cũng không đồng ý với ý kiến “được nhiều người chú ý hơn khi sử dụng điện thoại thông minh” (Mean= 2,07). Một số sinh viên khác lại cảm thấy hoàn toàn không đồng ý với ý kiến sử dụng điện thoại thông minh đất tiên để bản thân thể hiện đẳng cấp (Mean = 1,97).

3.3. Ảnh hưởng của việc sử dụng smartphone đến kết quả học tập của sinh viên

Tiếp theo, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích mối tương quan giữa 4 biến định lượng: sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích học tập (được tính bằng giá trị trung bình của các phát biểu thuộc phần sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích học tập), sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích giao tiếp, sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích giải trí, sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích thể hiện bản thân với biến kết quả học tập trong học kỳ gần đây nhất.

Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), để xác định mối tương quan tuyến tính giữa các biến định lượng, chúng ta cần tính hệ số tương quan Pearson. Hệ số tương quan Pearson cho biết mức độ chặt chẽ của mối liên hệ tuyến tính giữa 2 biến định lượng. Nếu Pearson = 0 tức 2 biến không có mối liên hệ, Nếu giá trị tuyệt đối của Pearson tiến gần đến 1 thì 2 biến có mối liên hệ tương quan chặt chẽ. Nếu Pearson có giá trị âm thì 2 biến có quan hệ nghịch chiều, Pearson có giá trị dương thì 2 biến có quan hệ thuận chiều.

Bảng 3: Bảng hệ số tương quan Pearson thể hiện mối quan hệ giữa việc sử dụng điện thoại thông minh với kết quả học tập của sinh viên

		Sử dụng cho mục đích học tập	Sử dụng cho mục đích giao tiếp	Sử dụng cho mục đích giải trí	Sử dụng cho mục đích thể hiện bản thân	Kết quả học tập trong học kỳ gần đây nhất
Sử dụng cho mục đích học tập	Pearson Correlation	1	.330**	.382**	.001	.246**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.993	.000
Sử dụng cho mục đích giao tiếp	Pearson Correlation		1	.556**	.175**	-.060
	Sig. (2-tailed)			.000	.002	.276
Sử dụng cho mục đích giải trí	Pearson Correlation			1	.247**	-.041

	Sig. (2-tailed)				.000	.464
Sử dụng cho mục đích thể hiện bản thân	Pearson Correlation				1	-.152**
	Sig. (2-tailed)					.006
**. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).						

Bảng 3 cho thấy, với độ tin cậy 99% (sig = 0.01) thì việc sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích học tập và sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích thể thể hiện bản thân có mối liên hệ trực tiếp có ý nghĩa thống kê đến kết quả học tập của sinh viên.

Cụ thể là nếu sinh viên sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích học tập (Pearson = 0.246) thường xuyên hơn so với các hoạt động khác như: nghe sách nói phục vụ cho việc học, tự học qua youtube, thu âm bài giảng trên lớp, tra từ điển trực tuyến, tìm kiếm tài liệu học tập,... thì sẽ làm cho kết quả học tập cao hơn. Ngược lại nếu như sinh viên càng sử dụng điện thoại thông minh vào mục đích thể hiện bản thân (Pearson = -0,152) thì kết quả học tập của họ sẽ giảm sút. Tuy nhiên các hệ số Pearson có giá trị không cao, cho thấy mối liên hệ này không thật sự chặt chẽ.

Bảng 3 cũng cho thấy, việc sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích giao tiếp, cho mục đích giải trí không thấy có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê với kết quả học tập. Tuy nhiên trong thực tế, nếu sinh viên sử dụng điện thoại thông minh cho các mục đích này quá nhiều có thể dẫn đến giảm quỹ thời gian cho việc học và ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Như vậy, qua phân tích cho thấy việc sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích học tập và sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích thể hiện bản thân có mối liên hệ trực tiếp đến kết quả học tập của sinh viên. Càng sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích học tập thì kết quả học tập càng cao, càng sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích thể hiện bản thân thì kết quả học tập càng giảm.

3.4. So sánh việc sử dụng điện thoại thông minh và kết quả học tập giữa sinh viên hai nhóm trường đại học công lập và ngoài công lập

Sinh viên thuộc 2 nhóm trường có mức độ sử dụng điện thoại thông minh cho từng mục đích là khá tương đồng nhau (bảng 4). Sinh viên cả 2 nhóm trường đều sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích giao tiếp nhiều nhất, tiếp theo là mục đích giải trí, mục đích học tập và cuối cùng là mục đích thể hiện bản thân.

Bảng 4. Mức độ sử dụng Điện thoại thông minh và kết quả học tập giữa hai nhóm trường đại học

	Đại học Công lập	Đại học ngoài Công lập
Trị trung bình (mean)		
Sử dụng cho mục đích học tập	3.23	3.38
Sử dụng cho mục đích giao tiếp	4.16	4.06
Sử dụng cho mục đích giải trí	3.62	3.69
Sử dụng cho mục đích thể hiện bản thân	2.24	2.16
Kết quả học tập		
Dưới 5.0	6.7%	1.1%
Từ 5.0 – 6.0	21.6%	21.2%
Từ 6.1 – 7.0	41.8%	49.7%
Từ 7.1 – 8.0	21.6%	23.5%
Trên 8.0	8.2%	4.5%

Qua bảng 4 cho thấy, sinh viên trường đại học công lập sử dụng điện thoại thông minh phục vụ cho mục đích giao tiếp (4.16) thường xuyên hơn so với các sinh viên nhóm trường đại học ngoài công lập (4.06). Bên cạnh đó, các sinh viên nhóm trường đại học ngoài công lập lại sử dụng điện thoại thông minh phục vụ cho mục đích học tập (3.38) thường xuyên hơn so với các sinh viên thuộc các nhóm trường đại học công lập (3.23). Mức độ sử dụng Điện thoại thông minh phục vụ cho việc giải trí có sự chênh lệch không nhiều giữa 2 nhóm trường đại học công lập và đại học ngoài công lập lần lượt là (3.62) và (3.69). Trị trung bình của việc sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích thể hiện bản thân cho thấy sinh viên của nhóm trường đại học công lập lớn hơn so với các sinh viên nhóm trường đại học ngoài công lập.

Kết quả học tập của sinh viên giữa hai nhóm trường cũng không có sự khác biệt lớn, đa số sinh viên có kết quả học tập ở mức trung bình khá từ 6.1 đến 7.0. Chúng ta có thể thấy rằng sinh viên giữa hai nhóm trường có mức độ sử dụng điện thoại thông minh và kết quả học tập tương đồng với nhau. Điều này biểu hiện ảnh hưởng của việc sử dụng điện thoại thông minh đến kết quả học tập của sinh viên giữa hai nhóm trường là như nhau. Điều này cũng dễ hiểu vì sinh viên có cùng độ tuổi, cùng đặc điểm tâm sinh lý, nên có hành động xã hội (sử dụng điện thoại thông minh trong quá trình học tập) và hành vi chọn lựa (cách sử dụng điện thoại thông minh) tương đối giống nhau.

3. Kết luận và khuyến nghị

Việc sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích học tập và sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích thể hiện bản thân có mối liên hệ trực tiếp đến kết quả học tập của sinh viên. Càng sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích học tập thì kết quả học tập càng cao và càng sử dụng điện thoại thông minh cho mục đích thể hiện bản thân thì kết quả học tập càng giảm. Sinh viên giữa hai nhóm trường đại học công lập và đại học ngoài công lập có mức độ sử dụng điện thoại thông minh và kết quả học tập tương đồng với nhau. Tức

là ảnh hưởng của việc sử dụng điện thoại thông minh đến kết quả học tập của sinh viên hai nhóm trường giống nhau.

Điện thoại thông minh không những là công cụ/thiết bị được sinh viên sử dụng cho mục đích giao tiếp, giải trí, thể hiện giá trị bản thân mà còn là một công cụ hỗ trợ việc học hiệu quả. Qua các kết quả nghiên cứu được trình bày bên trên chúng ta thấy rằng việc sử dụng điện thoại thông minh một cách hợp lý sẽ giúp cho kết quả học tập của sinh viên đạt tốt hơn.

Tiếp tục duy trì các hoạt động phục vụ cho mục đích học tập: tra từ điển, tìm kiếm tài liệu trực tuyến, download tài liệu...thường xuyên hơn để có thể cập nhật được nhiều kiến thức mới bên cạnh các kiến thức đã được tiếp nhận trên giảng đường. Cập nhật kết quả học tập và theo dõi thông tin trên trang web nhà trường nhằm cập nhật thời khóa biểu, hoạt động đào tạo, cũng như sự thay đổi trong học tập một cách nhanh nhất. Đa số giới trẻ hiện nay nói chung và các bạn sinh viên nói riêng thường phụ thuộc vào chiếc điện thoại của mình để phục vụ cho nhu cầu giải trí kết bạn nhiều hơn là công việc học tập. Vì vậy, sinh viên cần phân bổ thời gian sử dụng hợp lý cho các hoạt động giải trí trên điện thoại thông minh, kết hợp với mục đích học tập nếu muốn có kết quả học tập tốt hơn, như những phần mềm học tiếng Anh, từ điển, không sử dụng điện thoại thông minh để chơi game trong giờ học, không nên lên mạng, truy cập những trang web đen, khiêu dâm...

Đề tài đã giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu đặt ra, tuy nhiên còn một số hạn chế như chỉ sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện và trực tuyến nên không tương tác trực tiếp được với đáp viên, điều này có thể dẫn đến việc đáp viên trả lời cho có. Hướng nghiên cứu tiếp theo, nhóm nghiên cứu thêm ảnh hưởng của điện thoại thông minh đến các mặt của đời sống sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Hồng Thái, Trần Hữu Luyến, Trần Thị Hồng Thái, *Mạng xã hội với sinh viên*, Nxb: Đại học Quốc Gia Hà Nội.
2. Đặng Thị Lan, *Vài nét đặc điểm lối sinh viên và việc giáo dục lối sống cho sinh viên hiện nay*, Nxb: Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội.
3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức, 2008.

4. Eserinune Mccarty Mojaye, mobile phone usage among nigerian university students and its impact on teaching and learning, Vol.3, No.1, pp.29-38, (January 2015).
5. Fuxin (Andrew) Yu, *Mobile/Smart Phone Use In Higher Education*, University of Central Arkansas 201 naghey Ave PO# 5871 Conway.
6. Joanes, j., & abdullah, a. S., *The Impact of Điện thoại thông minh among University Students*, University of Technology Malaysia Johor Bahru, Johor, Malaysia.
7. Jessica L. Buck & Elizabeth McInnis & Casey Randolph, *The New Frontier of Education: The Impact of Smartphone Technology in Classroom*, ASEE Southeast Section Conference (2013).
8. Leslei Kahari, The effects of Cell phone use on the study habits of University of Zimbabwe First Year Faculty of Arts students, *International Journal of Education and Research* Vol. 1 No. 10 (October 2013).
9. Lusekelo Kibona & Juma Mdimu Rugina, *A Review on the Impact of Smartphones on Academic Performance of Students in Higher Learning Institutions in Tanzania*, *Journal of Multidisciplinary Engineering Science and Technology (JMEST)*, Vol.2 Issue 4, (April 2015).
10. Manoj Kumar, *Impact of the Evolution of Smart Phones in Education Technology and its Application in Technical and Professional Studies: Indian Perspective*, *International Journal of Managing Information Technology (IJMIT)* Vol.3, No.3, (August 2011).
11. Muhammad Sarwar & Tariq Rahim Soomro, *Impact of Smartphone's on Society*, *European Journal of Scientific Research*, Vol.98, No.2, (March, 2013).